

DANH SÁCH
HỌC SINH ĂN BÁN TRÚ THÁNG 4/2026

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

STT	Lớp	Sĩ số	Số HS đăng kí ăn BT	Số HS ăn trong ngày	GV	HS BT nghỉ
1	1A1	44	44	44	1	
2	1A2	44	43	43	1	
3	1A3	44	42	42	1	
4	1A4	45	45	45	1	
5	1A5	45	44	43	2	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Nguyễn An Châu.
6	1A6	44	44	44	1	
7	1A7	46	45	45	1	
8	2A1	42	42	42	1	
9	2A2	41	40	39	2	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Lê Trần Minh Đức.
10	2A3	40	40	38	1	(2) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Nguyễn Thị Ánh Linh, Đặng Tùng Lâm.
11	2A4	40	40	39	1	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Đỗ Minh Khôi.
12	2A5	40	39	38	1	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Đỗ Hoàng Lan.
13	2A6	42	40	40	1	
14	3A1	40	39	39	1	
15	3A2	41	41	41	1	
16	3A3	41	40	38	1	(2) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Lê Bảo Minh, Đinh Ngọc Diệp.
17	3A4	41	41	41	1	
18	3A5	42	40	40	2	
19	3A6	38	38	38	1	
20	3A7	37	37	37	1	
21	3A8	38	37	37	1	
22	3A9	38	37	36	1	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Đông Diệp Anh.
23	4A1	36	34	33	1	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Lê Quốc Hùng.
24	4A2	38	38	38	1	
25	4A3	37	35	35	1	
26	4A4	43	41	41	1	
27	4A5	44	43	43	1	
28	4A6	36	35	35	1	
29	4A7	37	32	32	1	
30	4A8	33	30	30	1	
31	5A1	48	44	43	2	(1) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Hồ Việt Trung.
32	5A2	47	47	47	1	
33	5A3	47	44	42	2	(2) H/s không ăn (có đăng ký bán trú): Nguyễn Minh Phương, Mạc Huy Hoàng.
34	5A4	50	50	50	1	
35	5A5	48	48	48	1	
36	5A6	42	38	38	1	
37	5A7	42	41	41	1	
38	5A8	42	40	40	1	
BGH, VP					7	
LCBV					7	
GVTA					1	Ăn tại nhà ăn
Tổng		1583	1538	1525	58	

Đại diện bếp



Người lập

